

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về giao chỉ tiêu cho vay giải quyết việc làm từ nguồn Quỹ quốc gia về việc làm năm 2008**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm; Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm; Thông tư liên tịch số 34/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 09 tháng 12 năm 2005 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm;

Xét Tờ trình số 1068/TTr-LĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2008 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về giao chỉ tiêu cho vay giải quyết việc làm từ nguồn Quỹ quốc gia về việc làm năm 2008,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay giao chỉ tiêu cho vay vốn từ nguồn Quỹ quốc gia về việc làm năm 2008 cho các quận - huyện và các tổ chức, đoàn thể thành phố theo biểu tổng hợp đính kèm.

**Điều 2.** Phân cấp cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện ra quyết định phê duyệt

dự án cho vay vốn theo đúng thủ tục quy định đối với nguồn vốn của Quỹ quốc gia về việc làm năm 2008 được Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ tại Quyết định này.

**Điều 3.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Định kỳ hàng tháng, quý các quận - huyện báo cáo tiến độ cho vay và thu hồi vốn vay, số lao động được trợ vốn có việc làm về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố có liên quan, các tổ chức đoàn thể và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

## CHỈ TIÊU CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM TỪ NGUỒN QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM NĂM 2008

(Kèm theo Quyết định số 32/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	ĐƠN VỊ	Tổng số vốn vay	Trong đó, vốn vay phân ra					Số hộ vay	Giải quyết việc làm cho LĐ	Vốn thu hồi	Dư nợ	Tỷ lệ % nợ quá hạn
			UBND quận - huyện		Hội Nông dân	Hội LHPN	Đoàn TNCS					
			UBND TP xét duyệt	Phân cấp UBND Q-H xét duyệt								
1	Quận 1	600	500				100	40	56	440	478	3,0
2	Quận 2	5.700	2.400	1.800	500	1.000		380	532	3.525	6.982	5,0
3	Quận 3	500	500					33	47	385	843	35,6
4	Quận 4	3.000	1.600	1.000		400		200	280	2.555	3.473	4,0
5	Quận 5	1.500	1.000			500		100	140	693	1.874	2,3
6	Quận 6	8.000	6.200	1.500		300		500	700	7.655	8.473	4,0
7	Quận 7	2.500	800	500	200	1.000		167	233	3.420	2.955	5,0
8	Quận 8	5.500	4.550	600	50	200	100	367	513	4.156	6.425	4,0
9	Quận 9	7.500	4.500	3.000				500	700	6.829	8.215	4,5
10	Quận 10	4.500	1.800	2.500		200		300	420	5.085	5.149	4,0
11	Quận 11	4.500	2.500	2.000				300	420	4.007	4.471	0,3
12	Quận 12	10.000	2.500	2.500	3.000	1.500	500	667	933	7.324	13.156	3,0

Số TT	ĐƠN VỊ	Tổng số vốn vay	Trong đó, vốn vay phân ra					Số hộ vay	Giải quyết việc làm cho LĐ	Vốn thu hồi	Dư nợ	Tỷ lệ % nợ quá hạn
			UBND quận - huyện		Hội Nông dân	Hội LHPN	Đoàn TNCS					
			UBND TP xét duyệt	Phân cấp UBND Q-H xét duyệt								
13	Quận Bình Thạnh	3.600	1.600	2.000				240	336	4.828	5.364	8,7
14	Quận Gò Vấp	6.500	4.500	2.000				433	607	5.860	7.143	2,3
15	Quận Phú Nhuận	2.000	800	1.000		200		133	187	1.998	2.581	4,5
16	Quận Thủ Đức	8.000	5.000	3.000				533	747	7.689	8.315	3,3
17	Quận Tân Bình	7.200	3.200	2.500		1.500		480	672	6.558	7.525	1,7
18	Quận Tân Phú	6.000	2.000	2.000		2.000		400	560	5.524	6.524	2,0
19	Quận Bình Tân	6.500	2.700	2.000	1.000	500	300	433	607	5.986	7.573	1,2
20	Huyện Bình Chánh	7.000	3.500	2.000	1.000	500		467	653	6.653	8.900	1,8
21	Huyện Củ Chi	14.000	6.000	5.000	2.000	500	500	933	1.307	14.364	25.864	2,5
22	Huyện Hóc Môn	11.000	5.000	1.000	2.000	1.000	2.000	733	1.027	8.792	17.599	1,2
23	Huyện Nhà Bè	7.000	1.000	1.000	3.000	2.000		467	653	7.830	7.641	3,5
24	Huyện Cần Giờ	10.000	5.000	5.000				667	933	8.014	15.013	8,0
25	Hội Sở	1.165	1.165					58	58	95	3.657	0,0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>143.765</b>	<b>70.315</b>	<b>43.900</b>	<b>12.750</b>	<b>13.300</b>	<b>3.500</b>	<b>9.532</b>	<b>13.321</b>	<b>130.265</b>	<b>186.193</b>	<b>3,5</b>

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ